

XUẤT KHẨU THỦ SẢN CỦA TỈNH QUẢNG BÌNH TRONG ĐIỀU KIỆN HIỆN NAY VÀ TRIỂN VỌNG

Vương Công Tá*

Quảng Bình là một trong những tỉnh có tiềm năng, lợi thế phát triển kinh tế thủy sản. Với vị trí cửa ngõ Vịnh Bắc Bộ, có bờ biển dài, nhiều sông ngòi... những điều kiện tự nhiên thuận lợi đó sẽ giúp cho tỉnh phát triển kinh tế thủy sản, nhất là nuôi trồng các loại có giá trị xuất khẩu cao với quy mô sản xuất hàng hoá. Tuy nhiên, xuất khẩu thủy sản của tỉnh Quảng Bình trong thời gian qua còn gặp nhiều hạn chế, đòi hỏi phải có cách nhìn mới và những chính sách mạnh dạn hơn để phát huy tối đa lợi thế so sánh cho xuất khẩu thủy sản.

1. Lợi thế so sánh trong phát triển thủy sản và chính sách thúc đẩy xuất khẩu thủy sản của tỉnh Quảng Bình

Quảng Bình có bờ biển dài hơn 116 km từ Đèo Ngang đến Hạ Cờ với vùng đặc quyền lãnh hải khoảng 20.000 km², có 5 cửa sông chính tạo nguồn cung cấp phù du sinh vật có giá trị cho phát triển nguồn lợi thủy sản. Ngoài ra, Quảng Bình còn có những vịnh có vị trí thuận lợi cho các hoạt động kinh tế biển như Hòn La. Bờ biển có nhiều bãi tắm đẹp, có nhiều loại hải sản quý hiếm như tôm hùm, mực, hải sâm.

Điều này cho phép Quảng Bình có điều kiện để phát triển ngành nghề hải sản và thúc đẩy xuất khẩu. Biển Quảng Bình hiện nay có hầu hết các loại hải sản có mặt ở Việt Nam, có những loại hải sản tỉnh Quảng Bình có mà những tỉnh khác ít có hoặc không có như tôm hùm, tôm sú, mực ống, mực nang. Theo số liệu điều tra và đánh giá của Bộ Thủy sản, trữ lượng cá của tỉnh Quảng Bình (chưa kể một số loài cá như cá ngừ, cá chuồn) là khoảng 51.000 tấn; trữ lượng tôm biển ước tính khoảng 2000 tấn, chủ yếu là các loài tôm mũ ni; trữ lượng mực là khoảng 8000-10.000 tấn. Hiện nay, diện tích tiềm năng mặt nước nuôi trồng thủy sản (sông ngòi, ao hồ, mặt nước lớn, diện tích bãi bồi ven sông, ven biển, nước mặn) là 15.000 ha, trong đó diện tích có khả năng nuôi trồng thủy sản nước mặn là 4000 ha, diện tích nuôi trồng thủy sản nước ngọt là 11.000 ha.

Ngoài tài nguyên biển, Quảng Bình còn có 5 cửa sông, có cảng Nhật Lệ và cảng Gianh, có vịnh Hòn La rất thuận lợi cho neo đậu tàu thuyền và các dịch vụ hậu cần nghề cá. Quảng Bình có một ngư trường lớn với khối lượng phong phú về loài (1650 loài), trong đó có những loại quý hiếm như tôm hùm, tôm sú, mực nang, san hô. Độ

* Thạc sĩ, Trường Chính trị Quảng Bình

mặn và độ PH của nước rất phù hợp cho nuôi trồng thủy sản. Ngoài ra, với bờ biển dài nên Quảng Bình rất thuận lợi trong việc phát triển nghề nuôi tôm trên cát. Đây là những lợi thế so sánh giúp Quảng Bình có thể phát triển nghề nuôi trồng và xuất khẩu thủy sản trong thời đại công nghiệp hoá. Tiềm năng đó có thể đưa thủy sản trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh Quảng Bình, giải quyết công ăn việc làm cho hàng chục ngàn lao động.

Về tài nguyên con người: Dân số Quảng Bình năm 2007 là 854.918 người, trong đó 86% dân số sống ở những vùng nông thôn và lực lượng lao động chiếm 49% dân số. Trong nhiều năm gần đây, kinh nghiệm và trình độ kỹ thuật của ngư dân đã tăng lên rõ rệt. Nhờ người dân được phổ biến kiến thức về nuôi trồng thủy sản, nên công nghệ sinh học trong nghề nuôi tôm đã được ứng dụng, nhiều đối tượng và phương thức nuôi mới đã được áp dụng đạt hiệu quả. Phong trào nuôi phát triển, thúc đẩy phát triển dịch vụ con giống và cung ứng thức ăn, thuốc thú y thủy sản. Hoạt động khoa học công nghệ và khuyến ngư đang được hỗ trợ phát triển đã góp phần đáng kể vào việc chuyển dịch cơ cấu nuôi, các đối tượng nuôi mới có giá trị kinh tế cao như: tôm sú, cá rô phi đơn tính, cá chim trắng, cá chẽm, cá chình, ốc hương, baba... đã được chuyển giao và nuôi đạt hiệu quả. Tỉnh Quảng Bình đã tổ chức nghiên cứu và ứng dụng công nghệ nuôi tôm trên vùng đất cát, vùng đất độ mặn thấp, vùng đất nhiễm phèn; sinh sản cá rô phi đơn tính, cá chim trắng, tôm càng xanh....

Trong nhiều năm qua, tỉnh Quảng Bình đã có nhiều chính sách khuyến khích phát triển thủy sản. Đặc biệt, Quyết định số 43/2006/QĐ-UBND đã tạo điều kiện thuận lợi cho mọi tổ chức, cá nhân, thành phần kinh tế tham gia vào nuôi trồng và chế

biến thủy sản, nhằm đưa thủy sản trở thành một ngành kinh tế mũi nhọn của tỉnh. Trong Quyết định này, chính sách về đất đai và mặt nước nuôi trồng thủy sản được tạo điều kiện thuận lợi bằng các biện pháp cho thuê đất, cấp quyền sử dụng đất, miễn giảm tiền thuê đất, mặt nước, mặt biển cho đầu tư phát triển thủy sản. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tạo điều kiện cho việc đào tạo đội ngũ thuyền trưởng, máy trưởng với khoản hỗ trợ kinh phí bằng 50% chi phí đào tạo; đồng thời, tỉnh cũng hỗ trợ 40% kinh phí đào tạo cho mỗi khoá học đào tạo công nhân chế biến thủy sản. Những chính sách hỗ trợ khác bao gồm: hỗ trợ các dự án phát triển hệ thống thủy lợi cho các vùng nuôi trồng thủy sản; hỗ trợ các tổ chức, cá nhân đầu tư đóng tàu mới khai thác hải sản; hỗ trợ phát triển con giống và nuôi thủy sản. Ủy ban nhân dân tỉnh cũng chú trọng việc áp dụng khoa học công nghệ, tích cực nhập các loại giống thủy sản mới để áp dụng, nhân giống ra diện rộng.

Nhận định được đặc điểm của thị trường bên ngoài đối với mặt hàng thủy sản, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình đã đề ra những biện pháp hỗ trợ xúc tiến thương mại bằng cách giảm kinh phí lập trang web, hỗ trợ 30% chi phí quảng bá giới thiệu sản phẩm, khai thác thị trường trong và ngoài nước; hỗ trợ 50% tiền thuê mặt bằng tham gia các hội chợ triển lãm giới thiệu sản phẩm thủy sản, dịch vụ cung cấp thông tin có vai trò rất quan trọng trong hoạt động xuất khẩu. Cho đến nay về cơ bản, thông tin về thị trường và đối tác cạnh tranh vẫn do doanh nghiệp tự chủ động tìm kiếm thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, sách báo, tạp chí. Ngay cả đại diện thương mại thủy sản của Việt Nam ở nước ngoài cũng chưa phát huy được vai trò của mình trong việc xúc tiến xuất khẩu. Sự mở rộng thị trường một

mặt là đặc điểm riêng có của thị trường này (tính chất quốc tế của ngành thủy sản và xu hướng cung vẫn lớn hơn cầu), mặt khác là do tác động của xu hướng toàn cầu hoá và xu hướng tự do mậu dịch có thể dẫn đến sự mở rộng hơn nữa về thị trường thủy sản thế giới. Tuy nhiên, sự năng động trong xuất khẩu thủy sản thế giới sẽ tập trung vào các nước đang phát triển, do vậy rất có khả năng trong thế kỷ XXI sẽ có sự đổi ngôi trong xuất khẩu thủy sản của thế giới với hơn một nửa xuất khẩu thủy sản của thế giới là từ khu vực các nước đang phát triển. Còn nhập khẩu thủy sản của thế giới vẫn sẽ tập trung chủ yếu vào khu vực các nước công nghiệp chiếm khoảng trên dưới 80% nhập khẩu thủy sản của thế giới. Xu hướng cung vẫn thiếu hụt so với cầu sẽ tiếp tục làm cho giá hàng thủy sản tiếp tục tăng lên theo dự báo dài hạn, nhiều cơ hội thị trường mới mở ra cho các sản phẩm thủy sản chế biến sâu, thủy sản ăn liền và thủy sản sống có giá trị tăng cao. Chính vì vậy, sự hỗ trợ xúc tiến thương mại từ Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là rất cần thiết để có thể đẩy nhanh xuất khẩu thủy sản ra thị trường thế giới.

2. Thực trạng xuất khẩu thủy sản của tỉnh Quảng Bình thời gian qua

Chương trình nuôi và chế biến thủy sản xuất khẩu giai đoạn 2001-2005 của tỉnh Quảng Bình gặp rất nhiều khó khăn khi thực hiện. Xuất khẩu thủy sản của tỉnh Quảng Bình trong những năm đầu thế kỷ XXI có chiều hướng suy giảm. Vào năm 2002, kim ngạch xuất khẩu của cả tỉnh đạt 7,5 triệu USD, năm 2003 giảm xuống còn 4 triệu USD, năm 2004 giảm còn 3,2 triệu USD và năm 2005 chỉ còn đạt giá trị 2,7 triệu USD. Sự sụt giảm này có nhiều nguyên nhân khác nhau, nhưng chủ yếu là do chủ trương chính sách chưa hợp lý. Vào năm 2002, tỉnh Quảng Bình bỏ ra một

nguồn vốn khá lớn để xây dựng mới và nâng cấp 3 nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu, đó là: Nhà máy chế biến thủy sản xuất khẩu Sông Gianh, vốn đầu tư 22 tỷ đồng; Xí nghiệp xuất khẩu nông thủy sản Quảng Bình vốn đầu tư hơn 20 tỷ đồng với hệ thống cấp đông nhanh; Nhà máy cổ phần chế biến thủy sản Đồng Hới được lập đặt thêm một số dây chuyền mới. Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện chủ trương này gặp nhiều vấn đề. Mặc dù đầu tư hàng chục tỷ đồng để mua sắm máy móc thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến, nhưng thiết bị lại không đồng bộ và không hợp lý. Xí nghiệp xuất khẩu thủy sản Quảng Bình trang bị hệ thống cấp đông nhanh theo công nghệ IQF vào sản xuất kinh doanh, thì ngoài trang bị hệ thống cấp đông nhanh phải có những trang thiết bị làm ra sản phẩm mới. Tuy nhiên, xí nghiệp này đã không thực hiện điều đó, vì vậy hệ thống cấp đông nhanh của xí nghiệp vận hành giống như thiết bị cấp đông chậm, khiến sản phẩm thủy sản chế biến chất lượng yếu, giá thành cao, khó cạnh tranh trên thị trường thế giới. Hai nhà máy Chế biến thủy sản xuất khẩu Sông Gianh và Nhà máy cổ phần chế biến thủy sản Đồng Hới cũng lâm vào tình trạng tương tự. Chẳng những trang thiết bị máy móc đầu tư thiếu đồng bộ, các nhà máy này còn bị lao đao về nguyên liệu. Mặc dù có nguồn tài nguyên biển phong phú, nhưng sản lượng khai thác và nuôi trồng thủy sản hàng năm chỉ đạt 30 nghìn tấn. Nguyên nhân chính của tình trạng trên là do lực lượng làm dịch vụ thu mua non kém, lại thường xuyên thiếu vốn nên chỉ mua được khoảng 10% sản lượng nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh đưa vào chế biến. Vì vậy, hoạt động sản xuất chế biến của 3 nhà máy trên chỉ mang tính cầm chừng, sản xuất chỉ dưới 50% công suất theo thiết kế. Trong giai đoạn 2002-2005, sản phẩm xuất khẩu của Nhà máy

chế biến thủy sản xuất khẩu Sông Gianh chỉ bằng 4% sản lượng chế biến.

Tình hình xuất khẩu thủy sản của tỉnh Quảng Bình bắt đầu có sự cải thiện nhờ Ủy ban nhân dân tỉnh áp dụng những chính sách phát triển mới kể từ năm 2006. Do thực hiện các chương trình 224, 112 và 113 của Chính phủ nhằm quản lý và sử dụng tốt tiềm năng lợi thế về thủy sản của địa phương theo hướng hiệu quả và bền vững, kết hợp với Chương trình nuôi và chế biến thủy sản xuất khẩu giai đoạn 2006-2010, xuất khẩu thủy sản của tỉnh Quảng Bình đã đạt được một số thành tựu. Việc mở rộng mặt hàng, nâng cao chất lượng sản phẩm đã được chú trọng, một số sản phẩm có chất lượng cao như mực Sashimi, mực ống cắt khoanh, mực khô lột da cao cấp, sản phẩm tôm đông rời trên dây chuyên công nghệ IQF đã được chế biến phục vụ xuất khẩu. Trong 6 tháng đầu năm 2008, sản lượng khai thác thủy sản của tỉnh Quảng Bình đạt 15.620 tấn, vượt 2,6% so với kế hoạch dự tính. Giá trị chế biến thủy sản xuất khẩu trong 6 tháng đầu năm 2008 đạt 4.15 triệu USD, ước cả năm 2008 đạt khoảng 8 triệu USD, bằng 40% so với mục tiêu chương trình đặt ra. Thị trường truyền thống cho hàng thủy sản xuất khẩu của tỉnh Quảng Bình là Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc. Các thị trường lớn như EU, Mỹ chưa được khai thác tốt. Trong một vài năm trở lại đây, vùng nguyên liệu cho xuất khẩu thủy sản đã được mở rộng và có sự tăng trưởng khá nhanh cả về diện tích, năng suất và sản lượng. Các nhà máy tiếp tục đồng bộ hoá kỹ thuật và công nghệ tiên tiến. Tỉnh bắt đầu nhân rộng các mô hình nuôi tôm trên cát, nuôi cá nước ngọt, cá - lúa, cá lồng bè, nuôi ốc hương, cua biển. Năng lực chế biến thủy sản xuất khẩu được chú trọng đầu tư phát triển, công nghệ kỹ thuật, chất lượng sản phẩm

từng bước được nâng lên, bước đầu chúng ta đã có những mặt hàng chất lượng cao đáp ứng được thị hiếu của khách hàng. Cơ sở hạ tầng nghề cá được quan tâm đầu tư phát triển như cảng cá, khu dịch vụ hậu cần và neo đậu trú bão, cơ sở hạ tầng cho nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất giống, dịch vụ đóng sửa tàu thuyền, sản xuất đá lạnh..., góp phần phục vụ tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh thủy sản. Vì vậy, hoạt động xuất khẩu thủy sản của Quảng Bình dần đi vào ổn định và có dấu hiệu tăng trưởng trở lại.

Tuy nhiên, xuất khẩu thủy sản của tỉnh Quảng Bình vẫn chưa tương xứng với tiềm năng hiện có. Nguyên nhân chủ yếu là :

Thứ nhất, năng lực chế biến thủy sản xuất khẩu còn yếu, chậm được củng cố, phát triển. Các doanh nghiệp chế biến xuất khẩu của tỉnh Quảng Bình còn yếu kém nhiều mặt cả trình độ quản lý, kỹ thuật, cả về thị trường và marketing. Việc đầu tư chưa tính đến xu hướng phát triển của thị trường và không được thâm nhập chặt chẽ về công nghệ; việc huy động vốn lưu động cho hoạt động sản xuất còn nhiều khó khăn, bất cập.

Thứ hai, mặt hàng thủy sản chế biến còn nhỏ lẻ, manh mún. Về cơ cấu sản phẩm còn nhiều yếu kém, chưa xây dựng được một thương hiệu trên thị trường. Hoạt động thu mua nguyên liệu, thiếu sự liên kết hợp tác giữa doanh nghiệp với người sản xuất nguyên liệu và giữa các doanh nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu. Nguồn nguyên liệu cho chế biến xuất khẩu chủ yếu vẫn là từ lĩnh vực khai thác, nguyên liệu từ nuôi thủy sản chỉ có tôm sú, sản phẩm có tính thời vụ và chưa ổn định.

Thứ ba, hoạt động chế biến và xuất khẩu thủy sản còn nhiều yếu kém, thị trường xuất khẩu khó khăn, công tác xúc

tiến thương mại còn lúng túng, giá trị kim ngạch xuất khẩu thủy sản đạt thấp. Sản phẩm xuất khẩu đơn điệu, chưa tạo được mặt hàng chủ lực có lợi thế của địa phương. Chất lượng sản phẩm thiếu ổn định, các sản phẩm chất lượng cao, sản phẩm giá trị gia tăng còn ít, sản phẩm phục vụ tiêu dùng chưa được coi trọng, chưa xây dựng được mặt hàng chủ lực và chưa có khả năng tiếp cận đến người tiêu dùng cũng như chưa xây dựng được chiến lược sản phẩm trên cơ sở khả năng và lợi thế của địa phương.

Thứ tư, công tác nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ và hoạt động khuyến ngư, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, quản lý chất lượng sản phẩm tuy có nhiều cố gắng, nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu và còn nhiều hạn chế. Công tác quy hoạch ngành, nhất là quy hoạch chi tiết các vùng nuôi, các cơ sở chế biến chưa được quan tâm đúng mức, tầm nhìn quy hoạch còn hạn chế; công tác chuẩn bị đầu tư, chuyển đổi cơ cấu sản xuất còn chậm. Hạ tầng phát triển nuôi trồng thủy sản đầu tư không đồng bộ, công tác đầu tư thủy lợi, điện lưới phục vụ nuôi trồng thủy sản chưa được chú trọng.

Thứ năm, do Quảng Bình nằm trong khu vực thời tiết, khí hậu có những biến động phức tạp như mưa lụt hoặc hạn hán kéo dài, thường xuyên bị ảnh hưởng của bão và áp thấp nhiệt đới...vv, vì thế gây bất lợi đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh và xuất khẩu thủy sản.

3. Triển vọng xuất khẩu thủy sản của tỉnh Quảng Bình

Phương hướng phát triển thủy sản đã được Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Quảng Bình lần thứ XIV xác định:

“Khai thác tiềm năng kinh tế biển, phát huy thế mạnh về biển, đầm phá, ao hồ, sông ngòi để phát triển thủy sản, tiếp tục

xây dựng thủy sản thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Đẩy mạnh đánh bắt, nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản. Đầu tư nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng như cảng cá Sông Gianh, cảng cá Nhật Lệ, khu dịch vụ hậu cần nghề cá và neo đậu tránh bão Hòn La, mở rộng diện tích nuôi trồng, chuyển nhanh nuôi quảng canh sang thâm canh và bán thâm canh, đi đôi với củng cố, tăng cường đánh bắt xa bờ; chú trọng công tác bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Đổi mới công nghệ, nâng cao công suất, chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm các cơ sở chế biến thủy sản hiện có; xây dựng và thực hiện chiến lược sản phẩm thủy sản xuất khẩu, tạo mặt hàng chủ lực, có khả năng cạnh tranh. Có chính sách khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư nuôi trồng, đánh bắt, chế biến thủy sản xuất khẩu; khôi phục và phát triển nghề chế biến truyền thống, phục vụ tiêu dùng nội địa.”

Từ nay đến 2010, phấn đấu giữ mức tăng trưởng cao, ổn định; đẩy nhanh thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nghề cá và hội nhập kinh tế quốc tế.

Để thực hiện phương hướng trên, mục tiêu xuất khẩu thủy sản của tỉnh Quảng Bình đến năm 2010 là như sau :

- Đạt giá trị sản phẩm chế biến xuất khẩu 20 triệu USD, tăng bình quân hàng năm là 20,1%.

- Đạt sản lượng chế biến thủy sản 4.700 tấn, trong đó:

- + Sản phẩm chế biến xuất khẩu 3.500 tấn, tăng bình quân hàng năm 13,6%.

- + Sản phẩm chế biến nội địa 1.200 tấn, tăng bình quân hàng năm 13%.

- Tạo thêm việc làm cho 5.500 – 6.000 lao động.

Nhiệm vụ đặt ra cho tỉnh Quảng Bình là từ nay đến năm 2010 phải xây dựng